



LẠM DỤNG BIỆN PHÁP TẠM GIAM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VÀ BIỆN PHÁP KIỂM SÁT KHẮC PHỤC VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG TẠM GIAM

Nguyễn Ngọc Kiện, Nguyễn Khánh Linh

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, Huế, Việt Nam

(Ngày nhận bài: 18-07-2024; Ngày chấp nhận đăng: 15-09-2024)

Tóm tắt: Bài viết phân tích, làm rõ nguyên nhân của thực trạng lạm dụng biện pháp tạm giam. Thực trạng là tỷ lệ tạm giam ở mức cao duy trì trong nhiều năm và các hình thức vi phạm trong tạm giam. Nguyên nhân chính là do bất cập của chế định tạm giam và chế định về các biện pháp ngăn chặn khác trong tố tụng hình sự. Bên cạnh đó, các biện pháp thi hành tạm giam trên thực tế vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế. Bài viết còn phân tích vai trò của các biện pháp kiểm sát đối với hoạt động tạm giam; và đề nghị một số giải pháp theo hướng hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự và các biện pháp bảo đảm thực tiễn thi hành tạm giam, nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc và giải quyết được thực trạng lạm dụng biện pháp tạm giam.

Từ khóa: tạm giam, biện pháp ngăn chặn, biện pháp kiểm sát.

ABUSE OF DETENTION MEASURES IN CRIMINAL PROCEEDINGS AND PROSECUTORIAL MEASURES OF THE PEOPLE'S PROCURACY

Nguyen Ngoc Kien*, Nguyen Khanh Linh

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue, Vietnam

Correspondence to Nguyen Ngoc Kien <nnkien@hueuni.edu.vn >

(Received: July 18, 2024; Accepted: September 15, 2024)

Abstract: This paper delves into the prevalent issue of detention abuse in Vietnam's criminal proceedings. It examines the underlying causes of this concerning phenomenon, including the persistently high

detention rates and the diverse forms of violations occurring during detention. The authors attribute the root causes of this problem to the inherent shortcomings in the legal framework governing detention and other preventive measures within the criminal procedure system. Additionally, they identify practical limitations and deficiencies in the implementation of detention measures. The paper also analyzes the role of prosecutorial measures in detention practices. Finally, it proposed some solutions which aim to strengthen both criminal procedure law and the practical implementation of detention measures, in order to overcome difficulties and problems and resolve the current situation of abuse of temporary detention.

Keywords: detention, preventive measures, control measures.

II. Đặt vấn đề

Hiện nay, bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội nói chung, người bị tạm giam (NB TG)¹ nói riêng trong tố tụng hình sự (TTHS) Việt Nam là một vấn đề thực tiễn có tính cấp bách. Theo thống kê có khoảng 80% số người áp dụng biện pháp tạm giam (BPTG) khi bị điều tra, truy tố, xét xử và chờ thi hành án². Nhiều trường hợp lẽ ra người bị khởi tố bị can được tại ngoại để điều tra, truy tố, xét xử hoặc chờ thi hành án, nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn áp dụng BPTG; trong đó có trường hợp oan, sai. Thực trạng lạm dụng BPTG trong giai đoạn tiền xét xử đã ảnh hưởng xấu đến một số quyền căn bản của người bị buộc tội, gây thiệt hại đến xã hội và giảm lòng tin của nhân dân vào hoạt động tư pháp hình sự. Cụ thể hơn, việc tạm giam một cách không cần thiết gây ra hạn chế quyền tự do của cá nhân, xâm phạm uy tín, danh dự và các quyền, lợi ích khác của bị can, bị cáo. Về mặt xã hội, việc lạm dụng tạm giam gây tổn kém về chi phí tố tụng khi phải xây dựng buồng giam và chế độ quản lý. Trước tình hình đó vai trò của VKSND trong hoạt động kiểm sát việc giam, giữ là rất quan trọng.

BLTTHS quy định BPTG theo hướng giảm thời hạn tạm giam kéo dài, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, đồng thời kịp thời ngăn chặn, ngăn ngừa tội phạm. Tuy nhiên, BLTTHS mới vẫn không giải quyết được thực trạng lạm dụng BPTG trong nhiều năm qua. Nguyên nhân của thực trạng đó là gì và cần có những giải pháp khắc phục như thế nào? Đây là một câu hỏi khó cần được làm rõ trong phạm vi bài viết này.

¹ Trong bài viết này quy ước viết tắt các thuật ngữ như sau: “Biện pháp tạm giam” là “BPTG”, “người bị tạm giam” là “NB TG”, “tố tụng hình sự” là “TTHS” và “Bộ luật tố tụng hình sự” là “BLTTHS”, “Viện kiểm sát nhân dân” là “VKSND”.

²<http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngh>

II. Nội dung vấn đề

2.1. Lạm dụng biện pháp tạm giam

Trên phạm vi quy mô toàn quốc, từ năm 2012 đến năm 2020 tổng số bị khởi tố bị can là 153.439 người, trong đó áp dụng BPTG là 124.589 người, chiếm tỷ lệ 81,2% (số NBTG/số người bị khởi tố). Ở giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023, tổng số người bị khởi tố bị can là 502.567 người, trong đó áp dụng BPTG là 255.516 người, chiếm tỷ lệ 50,8% (số NBTG/số người bị khởi tố)³. Như vậy tỷ lệ tạm giam ở nước ta rất cao, duy trì trong nhiều năm. Sau khi Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) được ban hành, Điều 119 đã quy định theo hướng căn cứ áp dụng tạm giam chặt chẽ hơn (mục tiêu giảm tạm giam và lạm dụng tạm giam). Chúng ta thấy, BLTTHS năm 2015 quy định một số điểm mới về chế định tạm giam, đã đi vào cuộc sống, có ý nghĩa tích cực và đã kéo giảm tạm giam xuống còn khoảng 50% trung bình mỗi năm như hiện nay.

Chúng ta có thể kết luận: (i) các cơ quan tiến hành tố tụng khi khởi tố bị can áp dụng BPTG chiếm tỷ lệ đa số, duy trì trong nhiều năm; (2) chứng tỏ BPTG bị lạm dụng trong TTHS, do rất nhiều nguyên nhân khác nhau, như đã đề cập và sẽ được làm rõ thêm ở các đoạn văn phía sau.

Trong khi đó, tỷ lệ huỷ bỏ, thay thế BPTG là rất thấp. Thời điểm từ năm 2012 đến năm 2020: tổng số 124.589 NBTG, (thì chỉ có 8.955 người được huỷ bỏ tạm giam, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác hoặc được trả tự do khi đình chỉ điều tra), chiếm tỉ lệ 7,1% (số người được huỷ bỏ tạm giam/tổng số NBTG). Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023: tổng số 241.884 NBTG, (chỉ có 31.234 được huỷ bỏ tạm giam, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác hoặc được trả tự do khi đình chỉ điều tra), chiếm tỉ lệ 12,9% (số người được huỷ bỏ tạm giam/tổng số NBTG).

Tỷ lệ huỷ bỏ BPTG là rất thấp như đã phân tích, nguyên nhân do BLTTHS quy định mang tính tùy nghi trong áp dụng và cho phép Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án được huỷ bỏ BPTG “khi thấy cần thiết”. Bên cạnh đó, NBTG được thay thế biện pháp ngăn chặn khác và được trả tự do tại phiên tòa rất ít, đơn cử như giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2015 tỉ lệ trung bình khoảng 9% mỗi năm, từ năm 2015 đến năm 2018 tỉ lệ này là khoảng 6,5 % mỗi năm. Các lý do của nó: thứ nhất là các cơ quan tố tụng ngại ra quyết định huỷ bỏ tạm giam; thứ hai là, BLTTHS mới quy định đa số áp dụng BPTG cho loại tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng (loại tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng- chỉ được tạm giam khi có căn cứ cá biệt). Quy định mới này đã làm cho số NBTG giảm đáng kể. Hơn nữa, loại tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, có khung hình phạt rất nặng được áp dụng cho người phạm tội có hành vi phạm tội rất nguy hiểm, đặc biệt nguy hiểm, cũng là nguyên nhân làm cho các cơ quan tiến

³ Giai đoạn từ năm 2015 đến ngày 1/1/2018 (thời điểm BLTTHS năm 2015 có hiệu lực thi hành), tỉ lệ tạm giam có xu hướng giảm dần và rõ rệt. Lý do: tuy Bộ luật mới chưa có hiệu lực pháp luật, nhưng quy định mới của Bộ luật về chế định tạm giam đã được tập huấn, cập nhật cho người có thẩm quyền, đây là nguyên nhân của việc giảm dần áp dụng tạm giam.

hành tố tụng có tâm lý duy trì tạm giam (lo sợ trách nhiệm khi NBTG tại ngoại phạm tội mới hoặc bỏ trốn).

2.2. Biện pháp kiểm sát khắc phục vi phạm trong việc áp dụng biện pháp tạm giam

Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) từ chối phê chuẩn tạm giam và từ chối phê chuẩn lệnh bắt tạm giam bị can của Cơ quan điều tra giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2020 có 3.601 trường hợp (trung bình mỗi năm 450 trường hợp); giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023 là 807 trường hợp; giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2018 không gia hạn tạm giam theo đề nghị của Cơ quan điều tra là 185 trường hợp (trung bình mỗi năm khoảng 15 trường hợp); giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023 không còn trường hợp VKS từ chối gia hạn tạm giam. Điều đó cho thấy VKS từ chối phê chuẩn tạm giam và từ chối bắt tạm giam giảm dần và không còn trường hợp từ chối gia hạn tạm giam. Tuy nhiên vẫn còn vi phạm trong công tác tạm giam, một số dạng vi phạm như: có 95 trường hợp tạm giữ, tạm giam bỏ trốn và có 3.529 lượt người bị tạm giữ, tạm giam vi phạm pháp luật v.v.

Với chức năng của mình, VKSND đã tiến hành tích cực, có hiệu quả các biện pháp kiểm sát trong hoạt động tạm giữ, tạm giam, từ đó đã giúp cho các cơ sở giam, giữ ngăn ngừa, khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động tạm giam. VKSND các cấp không những tiến hành kiểm sát thường xuyên, định kỳ, đột xuất mà còn tiến hành hàng nghìn cuộc trực tiếp kiểm sát tại nhà tạm giữ, tạm giam, (bao gồm VKSND tối cao phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiến hành trực tiếp kiểm sát trại các Trại tạm giam lớn trên toàn quốc). Giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2023 mỗi năm VKSND các cấp ban hành hơn 1000 văn bản kiến nghị, kháng nghị và yêu cầu cơ quan chức năng khắc phục vi phạm pháp luật trong công tác thi hành tạm giữ, tạm giam. Các cơ sở giam, giữ tiếp thu kiến nghị, kháng nghị của VKSND, khắc phục vi phạm tỉ lệ bình quân khoảng 97% cho mỗi năm. Trong đó có nội dung về bảo đảm thực hiện các chế độ cho người bị tạm giữ, tạm giam. Bên cạnh những vi phạm trong việc tạm giam, thì cơ quan chức năng vẫn bỏ sót NBTG, đây cũng là một dạng lạm dụng trong hoạt động tạm giam. Việc không bắt giam người trong theo luật định, làm cho những người này ở ngoài xã hội có thể phạm tội mới hoặc vi phạm pháp luật, hoặc cản trở giải quyết vụ án. Do đó VKSND đã yêu cầu Cơ quan điều tra bắt tạm giam trung bình mỗi năm khoảng 80 người (số liệu từ năm 2012 đến năm 2020)⁴; giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023 có

⁴ Nguồn số liệu trong các đoạn văn nêu trên lấy từ các báo cáo; Báo cáo số 164/BC-VKSTC ngày 28/12/2012 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2012”; Báo cáo số 171/BC-VKSTC ngày 31/12/2013 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2013”; Báo cáo số 179/BC-VKSTC ngày 31/12/2014 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2014”; Báo cáo số 229/BC-VKSTC ngày 18/12/2015 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2015”; Báo cáo số 152/BC-VKSTC ngày 27/12/2016 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2016”; Báo cáo số 139/BC-VKSTC ngày 26/12/2017 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2017”; Báo cáo số 208/BC-VKSTC ngày 28/12/2018 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2018”; Báo cáo số 238/BC-VKSTC ngày 20/12/2019 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát

744 người. Số lượng kiến nghị, kháng nghị được VKSND ban hành mỗi năm rất lớn, được cơ quan chức năng thi hành tạm giữ, tạm giam nghiêm túc tiếp thu, sửa chữa, khắc phục, cho thấy trong việc thi hành tạm giam còn nhiều vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến các quyền của NBTC, trong đó là bảo đảm các quyền thiết thân của cuộc sống sinh hoạt bình thường. Công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam của ngành Kiểm sát đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng quản lý và thực hiện các quyền, các chế độ về giam, giữ; hạn chế vi phạm, thiếu sót, hạn chế lạm dụng tạm giam, bảo đảm quyền và lợi ích của công dân.

Dẫn chứng theo số liệu báo cáo công tác của Viện trưởng VKSND tối cao tại phiên họp thứ 52 diễn ra vào sáng 12/01/2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã xem xét báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV của Viện trưởng VKSND tối cao. Theo báo cáo này trong nhiệm kỳ Quốc hội vừa qua, VKSND các cấp đã quyết định không phê chuẩn trên 1.300 lệnh tạm giam, tăng gần 40%, trên 1.100 lệnh bắt bị can để tạm giam, tăng gần 50%. Viện Kiểm sát yêu cầu bắt tạm giam trên 300 bị can⁵.

Chúng tôi rút ra kết luận như sau: tỉ lệ tạm giam trong những năm gần đây được kéo giảm do áp dụng BLTTHS năm 2015; các cơ quan tiến hành tố tụng đã bảo đảm tốt hơn quyền lợi cho NBTC. Thực tế ngày càng giảm tỷ lệ số trường hợp VKSND từ chối phê chuẩn tạm giam, bắt tạm giam cho thấy hiệu quả trong công tác thi hành tạm giam được cải thiện. Thế nhưng, thực tế vẫn còn lạm dụng tạm giam về số lượng, tỷ lệ tạm giam còn cao, việc tạm giam kéo dài, số người được hủy bỏ, thay thế tạm giam, được trả tự do tại phiên tòa tỉ lệ rất thấp .v.v.

2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc từ thực tiễn áp dụng biện pháp tạm giam và đề xuất một số giải pháp khắc phục

2.3.1. Nguyên nhân về mặt lập pháp

Một là, chế định về biện pháp tạm giam trong TTHS còn nhiều bất cập, đó là căn cứ, điều kiện áp dụng không rõ ràng, đối tượng tạm giam quá rộng, làm cho cơ quan tiến hành tố tụng tùy nghi trong việc áp dụng, thay thế, hủy bỏ BPTG. Bất cập của chế định tạm giam, là nguyên nhân chính của vấn đề đã đặt ra. Kể từ thời điểm BLTTHS năm 2003 đến khi được thay thế bằng BLTTHS năm 2015 (có hiệu lực ngày 1/1/2018) khoảng 15 năm, là một thời gian rất dài áp

nhân dân năm 2019”; Báo cáo số 253/BC-VKSTC ngày 31/12/2020 “Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 của ngành Kiểm sát nhân dân”; Báo cáo số 189/BC-VKSTC ngày 27/12/2021 “Báo cáo tổng kết công tác năm 2021 của ngành Kiểm sát nhân dân”; Báo cáo số 188/BC-VKSTC ngày 27/12/2022 “Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 của ngành Kiểm sát nhân dân” Báo cáo số 187/BC-VKSTC ngày 27/12/2023 “Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 của ngành Kiểm sát nhân dân”; Báo cáo về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân tại kỳ họp thứ Hai, Quốc hội khóa XIII ngày 25/10/2011 tại địa chỉ nguồn <https://vkshue.gov.vn/tinkiemsat/Bao-cao-cua-Vien-truong-Vien-kiem-sat-nhan-dan-toi-cao-ve-cong-tac-cua-nganh-Kiem-sat-nhan-dan-tai-ky-hop-thu-Hai-Quoc-hoi-khoa-XIII-140.html> (truy cập 6/8/2024).

⁵ Nguồn: tác giả Nguyễn Hoàng, “Kết quả công tác nhiệm kỳ ngành Kiểm sát: năm sau tốt hơn năm trước”//<https://baochinhphu.vn/Thoi-su/Ket-qua-cong-tac-nhiem-ky-nganh-kiem-sat-Nam-sau-tot-hon-nam-truoc/419551.vgp>. (cập nhật ngày 12/1/2021).

dụng chế định tạm giam tồn tại nhiều bất cập. Các báo cáo công tác của ngành Kiểm sát hàng năm đều phân tích thực trạng lạm dụng tạm giam và sự cố gắng của Ngành và của cơ chức năng nhằm hạn chế lạm dụng tạm giam và hạn chế sai phạm trong thi hành tạm giữ, tạm giam.

Hai là, chế định tạm giữ đã cho phép cơ quan chức năng tạm giữ trong nhiều trường hợp lẽ ra không cần thiết. Số người tạm giữ rất lớn, kéo theo áp lực cho Cơ quan điều tra chuyển từ tạm giữ sang tạm giam. Đây cũng là nguyên nhân hạn chế về mặt lập pháp, giải thích cho lý do vì sao số NBTG chiếm đa số trong số người bị khởi tố bị can.

Ba là, các biện pháp ngăn chặn khác (các BPNC có tính tự do) quy định còn nhiều bất cập, khó khăn trong áp dụng hoặc thiếu tính khả thi, cụ thể như biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm. Cơ quan chức năng không chủ ý áp dụng các BPNC có tính tự do đã đề cập, là một trong những nguyên nhân của số NBTG chiếm tỷ lệ cao.

Bốn là, chúng tôi cho rằng thực trạng lạm dụng tạm giam với các hình thức khác nhau, xuất phát từ nguồn gốc sâu xa của nó là sự hạn chế của đặc điểm mô hình TTHS thẩm vấn ở Việt Nam. Đặc điểm của mô hình TTHS thẩm vấn với một trong những nội dung hạn chế lớn của nó, đó là lạm dụng tạm giam trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo tác giả Phạm Xuân Minh: các bị can bị tạm giam có xu hướng thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội hơn so với các bị can không bị áp dụng- đây là cũng là lí do để Cơ quan điều tra muốn duy trì việc tạm giam. NBTG bị hạn chế tự do nên họ ít có cơ hội chối tội hơn các bị can tại ngoại, hoặc họ khó có hành vi cản trở hoạt động điều tra như đi mua chuộc nhân chứng, tiêu huỷ chứng cứ, bỏ trốn, hay tiếp tục phạm tội. Nhiều trường hợp tạm giam trong giai đoạn điều tra là không cần thiết như hành vi phạm tội rõ ràng, phạm tội quá tang, có đầy đủ chứng cứ, bị can khai nhận thành khẩn, không có việc tiếp tục phạm tội, bỏ trốn, mua chuộc nhân chứng. Chúng ta đều biết, một NBTG sẽ hạn chế các quyền của họ, như quyền về chăm sóc sức khoẻ, quyền quản lý, thực hiện các giao dịch về tài sản, quyền tiếp cận thông tin, quyền học tập, quyền việc làm, thậm chí có nhiều trường hợp việc tạm giam với người bị buộc tội làm cho họ không thể chăm sóc người thân như cha mẹ già yếu, con nhỏ⁶. Trong trường hợp bị oan sai, thì hậu quả của tạm giam còn nặng nề hơn rất nhiều. Người bị tạm giam bị tổn thất sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín và các quyền khác mà không thể đền bù, khắc phục đầy đủ cho họ và người thân của họ.

2.3.2. Nguyên nhân về các biện pháp tổ chức thi hành tạm giam

Một là, điều kiện kinh tế của đất nước còn khó khăn đã ảnh hưởng không nhỏ đến vấn đề các nguồn lực, như công nghệ, chuyên môn, con người, trang thiết bị, kỹ thuật, đặc biệt là phương tiện hiện đại để hỗ trợ hoạt động điều tra, khám phá nhanh các vụ án. Cụ thể, vẫn còn

⁶ Phạm Xuân Minh, Luận văn Thạc sĩ “Bảo đảm quyền con người trong áp dụng biện pháp tạm giam trên địa bàn tỉnh Bình Phước” hoàn thành năm 2019 tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tr.58-59.

thiếu các hệ thống tra cứu thông tin tội phạm, hệ thống quản lý tài sản, phương tiện, thông tin cá nhân của người dân, hệ thống camera an ninh công cộng. Trong khi đó hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ, khám phá tội phạm chủ yếu dựa vào nhân dân, thông qua công tác nắm thông tin người dân. Sau đó, Cơ quan điều tra dùng các thông tin này để đấu tranh với các đối tượng nghi vấn. Và sử dụng lời khai của đối tượng nghi vấn để kiểm tra, thu thập chứng cứ, làm rõ các tình tiết vụ án. Nếu lời khai của đối tượng phù hợp, là căn cứ để khởi tố bị can với đối tượng nghi vấn đó. Như vậy hiệu quả của điều tra bằng việc Cơ quan điều tra trông cậy vào thông tin do đối tượng cung cấp (bao gồm quần chúng, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo). Do đó không có phương pháp nào hữu hiệu hơn biện pháp hỏi cung NBTC. Theo tác giả Phạm Xuân Minh, đó là lí do chính để Cơ quan điều tra luôn muốn áp dụng biện pháp tạm giữ với người tình nghi nhằm thu thập chứng cứ, sau đó khởi tố bị can và áp dụng BPTG để tiếp tục điều tra, kết thúc vụ án. Đó cũng là lí do của việc thay đổi, huỷ bỏ BPTG trong thời gian điều tra vụ án là rất ít. Bị can bị tạm giam thường kéo dài cho tới khi xét xử, đi thi hành án⁷.

Hai là, NBTC hạn chế về trình độ pháp luật, khó khăn và không biết để thực hiện các quyền của mình, trong đó có quyền yêu cầu được tại ngoại. Quyền này pháp luật quy định cho gia đình bị can và cơ quan, tổ chức nhận bảo lãnh mà chưa quy định cho NBTC. NBTC thường chấp nhận việc tạm giam, kể cả tạm giam kéo dài. Sự thiếu chủ động giải thích của cơ quan chức năng, dẫn đến hệ quả là mặc nhiên kéo dài tạm giam.

Ba là, về điều kiện tự nhiên ở nước ta, nhiều rừng núi, địa bàn hiểm trở kéo dài từ Bắc đến Nam. Có nhiều tỉnh, địa phương, địa bàn miền núi giáp ranh với các nước, nếu không áp dụng BPTG, bị can, bị cáo trốn tránh khó truy tìm, hoặc có nguy cơ trốn sang nước ngoài như sang Cầm-phu-chia, Lào, Trung Quốc. Như vậy, chính địa hình phức tạp, cũng đã hình thành tâm lý lo sợ bị can, bị cáo trốn tránh. Thiết nghĩ đặc điểm địa hình ở nước ta cũng là nguyên nhân của sự gia tăng truy nã do bị can, bị cáo, người chấp hành án trốn tránh pháp luật. Để bắt đối tượng truy nã cơ quan chức năng rất vất vả, khó nhọc, bao nhiêu công sức, kể cả hi sinh tính mạng.

Bốn là, về nguồn lực phục vụ điều tra ở nước ta còn hạn chế, bao gồm yếu tố chuyên môn, công nghệ, trình độ của điều tra viên, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ hoạt động điều tra.

Sự cầu thả trong khám nghiệm hiện trường, thu giữ, bảo quản dấu vết làm cho vụ án bế tắc phải tạm giam bị can, bị cáo nhiều năm. Án bị huỷ, sửa điều tra lại, điều tra bổ sung nhiều lần, nhiều giai đoạn cũng kéo theo NBTC bị ảnh hưởng. Trong điều kiện tạm giam, NBTC khó có điều kiện thu thập chứng cứ. Lẽ ra không bị tạm giam, thì bị can, bị cáo có điều kiện để bảo vệ mình hơn, chuẩn bị chứng cứ để tranh tụng, để minh oan. Trong vụ việc ông Chấn ở Bắc

⁷ Phạm Xuân Minh, Luận văn Thạc sĩ “Bảo đảm quyền con người trong áp dụng biện pháp tạm giam trên địa bàn tỉnh Bình Phước” hoàn thành năm 2019 tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tr.58.

Giang bị tạm giam và chấp hành án oan 10 năm, nếu như ông Chấn được tại ngoại chờ thi hành án, thì ông có thể tìm kiếm chứng cứ, cung cấp thông tin để minh oan, thì hậu quả đã không nặng nề.

2.3.3. Đề xuất một số giải pháp khắc phục lạm dụng biện pháp tạm giam

2.3.3.1. Hoàn thiện BLTTHS năm 2015 về biện pháp tạm giam

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 119 BLTTHS (về căn cứ tạm giam chung) và Điều 329 BLTTHS (về căn cứ tạm giam của Hội đồng xét xử). Hai điều luật này xác định căn cứ mang tính tùy nghi là “có thể” tạm giam và “xét thấy cần tiếp tục” tạm giam. Do đó chúng tôi đề xuất bổ sung các điều kiện tạm giam như sau:

1. chỉ tạm giam bị can, bị cáo khi có căn cứ xác định họ có dấu hiệu tiếp tục phạm tội;
2. có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật;
3. tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án;
4. đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này;
5. vi phạm trong khi được bảo lãnh; bị can, bị cáo trước đó bị truy nã; bị cáo trốn tránh việc triệu tập;
6. bị cáo không có nơi cư trú rõ ràng nhưng không được bảo lãnh; bị cáo bị tuyên án 10 năm tù có thời hạn trở lên nhưng không có bảo lãnh và không đặt tiền bảo đảm; bị cáo ở khác tỉnh.

Chúng tôi cho rằng các căn cứ để được tạm giam cần liệt kê phân hoá một số loại tội phạm bắt buộc tạm giam như tội cướp tài sản, giết người, các tội xâm phạm an ninh quốc gia, mua bán người, ma túy .v.v. mà không đánh đồng là phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thì bị tạm giam.

Đồng thời cần bỏ đi dấu hiệu “bỏ trốn” để tránh việc áp dụng pháp luật tùy nghi, dẫn đến lạm dụng tạm giam. Việc xác định dấu hiệu bỏ trốn rất phức tạp, cảm tính, chủ quan và luôn có xu hướng lạm dụng, vì người phạm tội sau khi gây án thường không ở lại hiện trường, đó là một quy luật khách quan, tuy nhiên họ dễ bị coi là bỏ trốn và bị bắt để tạm giữ, tạm giam.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 119 BLTTHS hiện hành về trường hợp bị can, bị cáo là người duy nhất đang phải nuôi, chăm sóc người thân thích của mình là người tàn tật nặng, bệnh nặng, già yếu, có nhược điểm về tâm thần nhưng họ thiếu sự chăm sóc và không thể tự mình sinh sống được thì áp dụng biện pháp ngăn chặn khác thay cho BPTG.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 125, khoản 7 Điều 173 BLTTHS theo hướng quy định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan tố tụng trong việc xem xét quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn hoặc có thể thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác khi không còn căn cứ áp dụng. Theo đó, khoản 2 Điều 125 BLTTHS được thiết kế lại như sau: “Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải hủy bỏ biện pháp ngăn chặn hoặc có thể thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác khi không còn căn cứ áp dụng...”.

Để khắc phục thực trạng Cơ quan điều tra không đề xuất hủy bỏ tạm giam, chúng tôi đề xuất sửa đổi khoản 7 Điều 173 BLTTHS như sau: “Trong thời hạn tạm giam, khi không còn căn cứ tiếp tục tạm giam thì Cơ quan điều tra phải kịp thời đề nghị Viện kiểm sát hủy bỏ việc tạm giam để trả tự do cho NBTG hoặc xét thấy cần thiết thì áp dụng biện pháp ngăn chặn khác”.

Thứ tư, sửa đổi, bổ sung Điều 241 BLTTHS theo hướng quy định rõ trách nhiệm của Viện kiểm sát sau khi nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra phải xem xét, kiểm tra toàn diện các căn cứ áp dụng BPTG để xác định có cần thiết tiếp tục tạm giam với bị can hay không, nếu không còn cần thiết, không có căn cứ áp dụng BPTG thì phải thay đổi, hủy bỏ kịp thời. Do đó, cần sửa đổi Điều 241 BLTTHS như sau: “Sau khi nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, Viện kiểm sát có quyền quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này. Trường hợp có bị can đang bị tạm giam, Viện kiểm sát phải xem xét, kiểm tra toàn diện các căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam để áp dụng, thay đổi, hủy bỏ kịp thời”.

Thứ năm, sửa đổi Điều 278 BLTTHS về điều kiện áp dụng BPTG thay cho thuật ngữ “quyết định” và “nếu thấy cần tiếp tục” mang tính tùy nghi, không rõ ràng; đồng thời chuyển thẩm quyền quyết định tạm giam của Chánh án, Phó Chánh án sang cho Thẩm phán, nhằm phù hợp với thực tế và khắc phục hành chính hoá hoạt động tố tụng. Điều 278 BLTTHS cần được thiết kế như sau: “Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, sau khi xem xét đầy đủ các căn cứ, điều kiện áp dụng BPTG theo quy định của Bộ luật này; Đối với bị cáo đang bị tạm giam mà đến ngày mở phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết, nếu có căn cứ xác định cần phải tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử thì Hội đồng xét xử ra lệnh tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa”⁸.

2.3.3.2. Giải pháp trên phương diện thực tiễn

Một là, kiến nghị Bộ Công an lập Đề án cụ thể trình Chính Phủ về tổ chức lại các cơ sở giam, giữ. (lập dự toán trình cơ quan chức năng đầu tư xây mới và sửa chữa, cung cấp trang thiết bị phục vụ giam giữ và quản lý giam giữ theo lộ trình từ năm 2025 đến năm 2030, trên cơ

⁸ Một số nguyên nhân và giải pháp trong bài viết này được kế thừa và phát triển từ nguồn: Nguyễn Ngọc Kiện (2020), *Bảo đảm quyền con người khi áp dụng BPTG theo quy định của BLTTHS Việt Nam năm 2015*, Đề tài cấp Bộ, mã số B2019-DHH-15.

sở thống kê số số lượng NBTG và rà soát cơ sở vật chất, đầu tư theo tiêu chuẩn mới (sau khi Quốc Hội ban hành BLTTHS mới vào năm 2027).

Hai là, kiến nghị cơ quan chức năng tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở giam giữ về Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015 và các văn bản luật liên quan đến: (1) chính sách hình sự theo hướng đổi mới tư duy trong hoạt động tư pháp hình sự, trọng tâm là bảo đảm, bảo vệ quyền con người của NBTG; (2) nguyên tắc suy đoán vô tội và các nguyên tắc quan trọng khác bảo đảm quyền con người trong TTHS và thi hành án hình sự.

Ba là, tiếp tục phát huy vai trò của VKSND trong công tác kiểm sát việc chấp hành pháp luật của cơ sở giam, giữ. Bố trí đủ biên chế cho khâu công tác kiểm sát thi hành giam, giữ để tăng tần suất kiểm sát trực tiếp cơ sở giam giữ. Kiểm sát chặt chẽ việc áp dụng biện pháp tạm giam của Cơ quan điều tra, Tòa án các cấp, đảm bảo việc áp dụng phải có căn cứ pháp luật, không để kịp thời phát hiện, khắc phục tình trạng lạm dụng, kịp thời trả tự do cho NBTG không đúng căn cứ pháp luật. Trong đó duy trì và tăng cường hoạt động phối hợp của Ủy ban Mặt trận tổ quốc các cấp và VKSND giám sát và kiểm sát việc thi hành tạm giữ, tạm giam đối với cơ sở giam, giữ.

III. Kết luận

Trong nhiều năm trước khi ban hành BLTTHS năm 2015, tỷ lệ tạm giam hàng năm luôn ở mức cao, tỷ lệ tạm giam trên tổng số người bị khởi tố bị can vẫn còn rất cao, trong khi đó tỷ lệ huỷ bỏ tạm giam (số người không bị tạm trong các giai đoạn tố tụng rất thấp). Nguyên nhân là do bất cập về mặt quy phạm pháp luật đã tạo ra sự tùy nghi, lạm dụng cho cơ quan có thẩm quyền biện pháp tạm giam. Mặt khác, Cơ quan điều tra luôn có xu hướng thích tạm giam để thuận tiện trong hoạt động điều tra và tâm lý lo sợ bị can, bị cáo bỏ trốn. Đây còn là một vấn đề lớn của sự hạn chế trong mô hình TTHS thẩm vấn ở nước ta. Việc áp dụng BPTG với số lượng lớn sẽ ảnh hưởng đến các quyền của người bị buộc tội, hao tổn thời gian, chi phí tố tụng và chi phí quản lý giam giữ, như phải xây buồng giam và thực hiện các chế độ cho người bị giam giữ .v.v. Và còn ảnh hưởng đến quyền suy đoán vô tội, chưa kể là hậu quả là oan sai trong tạm giam là nghiêm trọng hơn người được tại ngoại để điều tra.

Bất cập của chế định tạm giam trong TTHS Việt Nam chậm được sửa đổi hoặc hoàn thiện pháp luật nhưng không giám đột phá, nửa vời và không triệt để. Bên cạnh đó khía cạnh về sự hạn chế của mô hình TTHS thẩm vấn ở Việt Nam và các yếu tố thuộc về nguồn lực, sự chậm đổi mới tư duy trong cán bộ thực tiễn .v.v. cũng là nguyên nhân căn bản dẫn đến lạm dụng BPTG.

Nghiên cứu chỉ ra vai trò vô cùng quan trọng của các biện pháp kiểm sát do VKSND tiến hành trong hoạt động kiểm sát giam giữ, cải tạo, nhằm ngăn ngừa và khắc phục vi phạm trong hoạt động tạm giam và bảo đảm, bảo vệ quyền con người trong tư pháp hình sự ở nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân tại kỳ họp thứ Hai, Quốc hội khóa XIII ngày 25/10/2011 tại địa chỉ nguồn <https://vkshue.gov.vn/tinkiemsat/Bao-cao-cua-Vien-truong-Vien-kiem-sat-nhan-dan-toi-cao-ve-cong-tac-cua-nganh-Kiem-sat-nhan-dan-tai-ky-hop-thu-Hai-Quoc-hoi-khoa-XIII-140.html> (truy cập 6/7/2024).
2. Nguyễn Hoàng, “Kết quả công tác nhiệm kỳ ngành Kiểm sát: năm sau tốt hơn năm trước”//<https://baochinhphu.vn/Thoi-su/Ket-qua-cong-tac-nhiem-ky-nganh-kiem-sat-Nam-sau-tot-hon-nam-truoc/419551.vgp>. (cập nhật ngày 12/1/2021).
3. Nguyễn Ngọc Kiện (2020), Bảo đảm quyền con người khi áp dụng BPTG theo quy định của BLTTHS Việt Nam năm 2015, Đề tài cấp Bộ, mã số B2019-DHH-15.
4. Nguyễn Ngọc Kiện (sách chuyên khảo, chủ biên (2017), Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
5. Phạm Xuân Minh (2019), Bảo đảm quyền con người trong áp dụng BPTG trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.
6. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2012), Báo cáo số 164/BC-VKSTC ngày 28/12/2012 của VKSND tối cao “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2012”;
7. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), Báo cáo số 171/BC-VKSTC ngày 31/12/2013 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2013”;
8. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014), Báo cáo số 179/BC-VKSTC ngày 31/12/2014 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2014”;
9. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), Báo cáo số 229/BC-VKSTC ngày 18/12/2015 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2015”;
10. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2016), Báo cáo số 152/BC-VKSTC ngày 27/12/2016 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2016”;
11. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), Báo cáo số 139/BC-VKSTC ngày 26/12/2017 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2017”;
12. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2018), Báo cáo số 208/BC-VKSTC ngày 28/12/2018 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2018”;
13. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2019), Báo cáo số 238/BC-VKSTC ngày 20/12/2019 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2019”;

14. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2020), Báo cáo số 253/BC-VKSTC ngày 31/12/2020 “Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 của ngành Kiểm sát nhân dân”.
15. Báo cáo số 189/BC-VKSTC ngày 27/12/2021 “Báo cáo tổng kết công tác năm 2021 của ngành Kiểm sát nhân dân;
16. Báo cáo số 188/BC-VKSTC ngày 27/12/2022 “Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 của ngành Kiểm sát nhân dân”
17. Báo cáo số 187/BC-VKSTC ngày 27/12/2023 “Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 của ngành Kiểm sát nhân dân”; <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngh>